TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 5-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Huỳnh Thị Châu

2/ Bà Đặng Thị Thơm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa*: Bà Ngô P Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 380/2018/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX- ST ngày 21 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương S:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu P** – sinh năm 1986
Nơi cư trú: Khu S, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S** - sinh năm: 1985
Nơi cư trú: Khu S, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(chị P có mặt, anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thu P trình bày:

***- Về quan hệ hôn nhân*:**

Chị P và anh Nguyễn Văn S quen biết, tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện kết hôn tại UBND xã H, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2008. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Quá trình chung sống với nhau anh S thường xuyên tụ tập bạn bè, nhậu nhẹt rồi về nhà kiếm chuyện, gây gỗ dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Những lần vợ chồng cãi nhau, anh S thường dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm chị và gia đình chị. Anh đã nhiều lần đánh chị, dùng ly ném vào đầu. Chị

P đã nhiều lần khuyên ngăn để anh sửa đổi tính tình nhưng anh S không thay đổi. Ngoài ra, anh S còn có tính ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện gây gỗ ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Từ ngày 30/9/2018 chị và cháu N về nhà mẹ ruột của chị P sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không chung sống với nhau thì anh S có đến tìm chị P nhưng khi đến tìm thì anh S luôn trong tình trạng say xỉn nên không thể nói chuyện với nhau được.

Tại tòa, chị P xác định chị không còn tình cảm với anh S, khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Do vậy, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- ***Về con chung:*** Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị T – sinh ngày 07/9/2008 và Nguyễn Văn N – sinh ngày 23/02/2012.

Khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và đồng ý giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị P, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- ***Về tài sản chung***: Chị Lê Thị Thu P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung***: Không có, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Bị đơn anh Nguyễn Văn S không đến Tòa án làm việc nên không có bản tự khai, cũng như biên bản ghi lời khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

+ Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân S. Nguyên đơn chấp hành pháp luật đã đến tòa làm việc và cung cấp lời khai, chứng cứ đầy đủ. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân S, không đến tòa án làm việc;

+ Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX xử cho chị P được ly hôn với anh S. Về con chung, đề nghị HĐXX tạm giao cháu Nguyễn Văn N – sinh ngày 23/02/2012 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao cháu Nguyễn Thị T – sinh ngày 07/9/2008 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, tài sản chung, nợ chung chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S năm 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, hôn nhân của chị P và anh S phù hợp với các Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Xét, yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh S thì thấy: Chị P thừa nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không chí thú làm ăn để phát triển kinh tế gia đình giữa vợ chồng không có S quan tâm chia sẻ, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có S tôn trọng nhau. Vì vậy, từ năm tháng 9/2018 đến nay chị P và anh S không sống chung với nhau. Chị P về sống với mẹ của chị P tại ấp H, xã H (BL 25), Không ai quan tâm chăn sóc nhau, mạnh ai người đó sống, kinh tế riêng biệt, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng với nhau. Tại tòa, chị P xác định không còn tình cảm với anh S, khả năng đoàn tụ gia đình là không có.

Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa án làm việc để hòa giải và tìm ra các giải pháp để cải thiện tình cảm giữa anh và chị P nhưng anh S cố tình không đến Tòa án làm việc và tại các buổi hòa giải anh S đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh S không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Từ những nhận định trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị P yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu P.

[2] Về con chung: Chị P, anh S có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị T – sinh ngày 07/9/2008 và Nguyễn Văn N – sinh ngày 23/02/2012.

Để ổn định cuộc sống của con trẻ cũng như nguyện vọng và mong muốn của các con chung thì thấy: Hiện cháu N đang được chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu T được anh S chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét thấy, cần tiếp tục tạm giao cháu Nguyễn Văn N – sinh ngày 23/02/2012 cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm giao cháu Nguyễn Thị T – sinh ngày 07/9/2008 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị P chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] về nợ chung: Không có, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí được chuyển sang nộp án phí.

Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân S năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Thu P và anh Nguyễn Văn S được ly hôn.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Văn N – sinh ngày 23/02/2012 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Thị T – sinh ngày 07/9/2008 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời chị P, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở…

- *Về tài sản:* Chị Lê Thị Thu P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, Tòa án không giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Lê Thị Thu P phải nộp án phí dân S sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 001504 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân S huyện Thống Nhất sang nộp án phí. Chị Lê Thị Thu P đã nộp đủ tiền án phí.

Chị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương S;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Và Kíu